

Bảng Phân tích Nhu cầu Tài chính

I. Thông tin Khách hàng:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ A Ngày sinh: 01/01/1996
Giới tính: Nam Nữ
Tình trạng hôn nhân: Độc thân Đã kết hôn Ly hôn Góa

II. Thông tin tài chính:

Bảng phân tích này nhằm mục đích nhận diện nhu cầu tài chính và nhu cầu bảo hiểm dựa trên khả năng tài chính của Quý khách, là cơ sở để Chubb Life cung cấp giải pháp tài chính phù hợp trong danh mục sản phẩm của Công ty.

Quý khách vui lòng trả lời các câu hỏi dưới đây dựa trên khả năng và nhu cầu tài chính của mình.

NHU CẦU TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| | Nhu cầu Khách hàng quan tâm | SỐ TIỀN CẦN CÓ (1) | SỐ TIỀN ĐÃ CÓ (2) | KHOẢN THIẾU HỤT (1)-(2) |
|---|-------------------------------------|------------------------|--------------------|-------------------------|
| Bảo vệ tài chính | | | | |
| Rủi ro Tử vong, Tai nạn, thương tật | <input checked="" type="checkbox"/> | 800 | | 800 |
| Bệnh nan y | <input checked="" type="checkbox"/> | 500 | | 500 |
| Tiết kiệm/Tích lũy | | | | |
| Kế hoạch học vấn cho con | <input type="checkbox"/> | | | 0 |
| Kế hoạch tuổi hưu an nhàn | <input type="checkbox"/> | | | 0 |
| Đầu tư | | | | |
| Đầu tư an toàn với lãi suất đảm bảo | <input type="checkbox"/> | | | 0 |
| Đầu tư linh hoạt với lợi nhuận/rủi ro không đảm bảo | <input checked="" type="checkbox"/> | 800 | | 800 |
| Nhu cầu khác | <input type="checkbox"/> | | | 0 |
| Tổng cộng | | 2.100 | 0 | 2.100 |

KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Thông tin thu nhập (1) | | Thông tin chi phí (2) | |
|--|------------|---|------------|
| Thu nhập bình quân hàng tháng của gia đình | 120 | Chi phí bình quân hàng tháng của gia đình | 60 |
| Thu nhập bình quân hàng năm của gia đình | 1.440 | Chi phí bình quân hàng năm của gia đình | 720 |
| Khả năng tài chính = Thu nhập – Chi phí | 720 | Phí bảo hiểm hàng năm mong muốn | 100 |

III. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi hiểu rõ Bảng phân tích nhu cầu tài chính này chỉ nhằm mục đích giúp tôi nhận diện nhu cầu và mục tiêu tài chính. Thông tin này chỉ mang tính chất tham khảo và đây không phải là một văn bản mang tính kết luận. Bảng phân tích nhu cầu tài chính này được hoàn thành dựa trên các thông tin do tôi cung cấp.
- Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong việc lựa chọn sản phẩm bảo hiểm/kế hoạch bảo hiểm tham gia và/hoặc việc thay đổi về các giải pháp bảo hiểm trong hồ sơ yêu cầu bảo hiểm nộp về Công ty, nếu có.

| Ngày Tháng Năm | Chữ ký | Họ tên |
|-------------------------------------|--------|--------------|
| Khách hàng | | NGUYỄN THỊ A |

| Ngày Tháng Năm | Mã số | Họ tên |
|-------------------------------------|-------|--------|
| Đại diện Kinh doanh | | |

Phiếu Khảo sát Mức độ Chấp nhận Rủi ro trong Đầu tư

I. Thông tin chung:

1. Khách hàng

Họ và tên:

NGUYỄN THỊ A

2. Đại diện Kinh doanh (ĐDKD)

Họ và tên:

Mã số đại lý:

II. Khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro:

Nội dung khảo sát này nhằm hỗ trợ Quý khách trong việc quyết định lựa chọn các quỹ đầu tư phù hợp với mức độ chấp nhận rủi ro của mình.

Quý khách vui lòng đánh dấu X vào câu trả lời thích hợp dựa trên mục tiêu và quan điểm đầu tư của riêng mình.

| Câu hỏi | Câu trả lời | Điểm số |
|--|---|---------------------------------------|
| 1. Quý khách đang ở nhóm tuổi nào? | Từ 60 Tuổi | <input type="checkbox"/> 1 |
| | Từ 46 Tuổi đến 59 Tuổi | <input type="checkbox"/> 2 |
| | Từ 35 Tuổi đến 45 Tuổi | <input type="checkbox"/> 3 |
| | Dưới 35 Tuổi | <input checked="" type="checkbox"/> 4 |
| 2. Quý khách đã tham gia hoạt động đầu tư nào? Có thể chọn nhiều câu trả lời | Chưa tham gia đầu tư (chuyển đến câu 5) | <input type="checkbox"/> 0 |
| | Tiền gửi tiết kiệm, mua/ bán vàng miếng | <input checked="" type="checkbox"/> 1 |
| | Bất động sản | <input checked="" type="checkbox"/> 2 |
| | Chứng khoán (giao dịch cổ phiếu, trái phiếu,...) | <input checked="" type="checkbox"/> 3 |
| | Giao dịch vàng, chứng khoán phái sinh, ngoại hối, tiền số... | <input checked="" type="checkbox"/> 4 |
| 3. Quý khách vui lòng cho biết thời gian đã tham gia đầu tư đối với loại hình đầu tư mà Quý khách có kinh nghiệm lâu nhất? | Dưới 6 tháng | <input type="checkbox"/> 1 |
| | Từ 6 tháng đến dưới 1 năm | <input type="checkbox"/> 2 |
| | Từ 1 đến 3 năm | <input type="checkbox"/> 3 |
| | Trên 3 năm | <input checked="" type="checkbox"/> 4 |
| 4. Quý khách vui lòng đánh giá mức độ kinh nghiệm trong (những) hoạt động đầu tư nêu trên của mình? | Rất hạn chế: chưa có kinh nghiệm đầu tư | <input type="checkbox"/> 1 |
| | Hạn chế: có rất ít kinh nghiệm đầu tư và cần hỗ trợ thêm | <input type="checkbox"/> 2 |
| | Trung bình: có một số kinh nghiệm về đầu tư nhưng vẫn cần hỗ trợ thêm | <input checked="" type="checkbox"/> 3 |
| | Chuyên sâu: thường xuyên đầu tư và hoạt động đầu tư có hiệu quả | <input type="checkbox"/> 4 |

| | | | | | |
|--|---------------------------|--|---|-------------------------------------|---|
| 5. Quý khách dự định đầu tư tối đa trong bao lâu? | Ngắn hạn (Dưới 5 năm) | <input type="checkbox"/> | 1 | | |
| | Trung hạn (Từ 5 - 10 năm) | <input type="checkbox"/> | 2 | | |
| | Dài hạn (Trên 10 năm) | <input checked="" type="checkbox"/> | 3 | | |
| 6. Danh mục đầu tư nào phù hợp với Quý khách? <i>Lưu ý: việc đầu tư luôn tiềm ẩn những rủi ro nhất định. Rủi ro càng cao thì nhiều khả năng lợi nhuận sẽ càng lớn. Ngược lại, rủi ro càng thấp thì lợi nhuận cũng sẽ càng thấp.</i> | Danh mục đầu tư | Lợi nhuận đầu tư hàng năm thấp nhất | Lợi nhuận đầu tư hàng năm cao nhất | Điểm | |
| | 1 | -0.2% | 5% | <input type="checkbox"/> | 1 |
| | 2 | -5% | 10% | <input type="checkbox"/> | 2 |
| | 3 | -10% | 15% | <input checked="" type="checkbox"/> | 3 |
| | 4 | -20% | 30% | <input type="checkbox"/> | 4 |
| Tổng điểm | 27 | | | | |
| Mức độ chấp nhận rủi ro | Rất cao | | | | |

III. Mô tả về mức độ chấp nhận rủi ro:

| | | | | | |
|--------------------------------|--------------|------------------------------|--------------------|---------------------------------|-----------------|
| Điểm số | ≤ 11 | 12- 17 | 18 - 20 | 21 – 24 | >24 |
| Mức độ chấp nhận rủi ro | Thận trọng | Tương đối thận trọng | Cân bằng về đầu tư | Cao | Rất cao |
| Các Quỹ nên tập trung | Quỹ Bền vững | Quỹ Bền vững và Quỹ Cân bằng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Cân bằng và Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Tăng trưởng |

*Lưu ý: Nếu khách hàng thuộc nhóm có mức độ chấp nhận rủi ro ở mức “Thận trọng”, hoặc từ 60 tuổi trở lên, hoặc chưa có (hoặc có rất ít) kinh nghiệm đầu tư, nên cân nhắc **không tham gia** vào Quỹ Tăng trưởng.*

IV. Xác nhận của khách hàng:

- Tôi xác nhận rằng Đại diện Kinh doanh của Chubb Life Việt Nam đã giải thích rõ ràng và đầy đủ về nội dung của Phiếu khảo sát mức độ chấp nhận rủi ro trong đầu tư. Theo đó, tôi xác nhận rằng các thông tin do tôi cung cấp như trên là chính xác, đúng sự thật. Tôi đồng ý và xác nhận rằng Phiếu khảo sát này chỉ có giá trị tham khảo giúp tôi hiểu rõ hơn về mức độ chấp nhận rủi ro của mình trong đầu tư và Phiếu khảo sát này không đưa ra hay cung cấp bất kỳ chỉ dẫn, cam kết hay hứa hẹn nào liên quan đến khoản lợi nhuận có thể thu được từ hoạt động đầu tư.
- Tôi xác nhận rằng, với đặc tính của sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị, tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro đầu tư phát sinh. Các rủi ro này bao gồm, nhưng không giới hạn, các biến động bất lợi từ thị trường, và sẽ tương ứng với phần phí bảo hiểm mà tôi đã đóng, dựa trên mức độ rủi ro của quỹ liên kết đơn vị mà tôi đã lựa chọn. Quyết định cuối cùng về việc lựa chọn Quỹ nào để đầu tư hoàn toàn là quyết định của riêng tôi.

| | | |
|-------------------------------------|---------------|---------------|
| Ngày Tháng Năm | Chữ ký | Họ tên |
| Khách hàng | | NGUYỄN THỊ A |

| | | |
|-------------------------------------|--------------|---------------|
| Ngày Tháng Năm | Mã số | Họ tên |
| Đại diện Kinh doanh | | |

Tài Liệu Minh Hoạ Bán Hàng Của Sản Phẩm Bảo Hiểm

Chubb Tự Do An Phát

Vững Tâm An - Phát Tài Lộc



Sản phẩm bảo hiểm liên kết đơn vị của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Chubb Việt Nam
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

CHUBB®

Ưu Điểm Nổi Bật

100%

Nhận 100% giá trị hợp đồng khi đáo hạn, di sản trọn vẹn cho thế hệ tương lai.

50%

Hoàn lại 50% phí rủi ro đã khấu trừ nếu đóng phí đủ 20 năm.

25%

Mệnh giá Bảo hiểm tự động tăng 25% sau năm thứ 10 và năm thứ 20.

10%

Hỗ trợ tối đa 10% Mệnh giá Bảo hiểm, san sẻ gánh nặng tài chính, chu toàn hậu sự.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐKKD:

Văn phòng ĐKKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 5/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

| | |
|--|--|
| SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHUBB - TỰ DO AN PHÁT | |
| 1 | SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CHUBB – TỰ DO AN PHÁT |
| 2 | SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE – TỬ VONG HOẶC THƯƠNG TẬT DO TAI NẠN MỞ RỘNG |
| 3 | SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE – HỖ TRỢ NÀM VIỆN MỞ RỘNG |
| 4 | SẢN PHẨM BẢO HIỂM SỨC KHỎE – BỆNH HIỀM NGHÈO MỞ RỘNG |
| 5 | SẢN PHẨM BẢO HIỂM TỬ KỶ TÁI TỤC HÀNG NĂM MỞ RỘNG |
| 6 | SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU – CHUBB CARE PLUS |

Ghi chú:

- Sản phẩm Bảo hiểm Chubb - Tự Do An Phát bao gồm: Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát (gọi tắt là “Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị”) và các sản phẩm bảo hiểm khác được bán kèm như bảng trên (gọi tắt là “Sản phẩm Bảo hiểm bán kèm”).*
- Nếu Hợp đồng Bảo hiểm bị chấm dứt hiệu lực thì các Sản phẩm Bảo hiểm bán kèm cũng sẽ bị chấm dứt hiệu lực.*
- Việc tham gia Sản phẩm Bảo hiểm bán kèm không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia hoặc duy trì hiệu lực Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị.*

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 6/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ CHUBB VIỆT NAM (“Chubb Life”)

hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 33GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 04/05/2005 và các giấy phép điều chỉnh.
Vốn điều lệ hơn 1.384 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 21, Tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.

Thông tin liên hệ:

Điện thoại: (84-28) 3827 8989

Hotline: (84-28) 3827 8123

Fax: (84-28) 3821 9000

E-mail: chubblife.vietnam@chubb.com

Website: <https://life.chubb.com/vn>

Thông tin Đại diện kinh doanh (ĐDKD):

Họ và Tên:

Mã số ĐKKD:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Cơ bản:

Chứng chỉ Đại lý Bảo hiểm Liên kết Đơn vị:

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

| | Họ và Tên | Giới tính | Ngày sinh | Tuổi | Nhóm nghề nghiệp |
|------------------------------|--------------|-----------|------------|------|------------------|
| Bên mua Bảo hiểm (BMBH) | NGUYỄN THỊ A | NỮ | 01/01/1996 | 30 | 1 |
| Người được Bảo hiểm (NDBH) 1 | NGUYỄN THỊ A | NỮ | 01/01/1996 | 30 | 1 |

II. THÔNG TIN SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Đơn vị tính: đồng

| STT | Sản phẩm Bảo hiểm (SPBH) | NDBH | Điều kiện Bảo hiểm (*) | Mệnh giá Bảo hiểm (MGBH) | Thời hạn bảo hiểm (***) | Tuổi NDBH khi đáo hạn | Phí Bảo hiểm (Phí BH)(**) |
|---------------------|--|------|------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------|---------------------------|
| 1 | SPBH Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát <i>Lựa chọn B</i> | | | | | | |
| 1.1 | QLBH Tử vong | 1 | S/S | 800.000.000 | 69 năm | 99 | 30.000.000 |
| 1.2 | QLBH Thương tật toàn bộ vĩnh viễn | 1 | S/S | 800.000.000 | 45 năm | 75 | |
| SPBH bán kèm | | | | | | | |
| 2 | SPBH Sức khỏe – Tử vong hoặc Thương tật do Tai nạn mở rộng | 1 | S/S | 500.000.000 | 1 năm | 75 | 550.000 |
| 3 | SPBH Sức khỏe – Hỗ trợ Nằm viện mở rộng | 1 | S/S | 400.000 | 1 năm | 75 | 643.200 |
| 4 | SPBH Sức khỏe – Bệnh hiểm nghèo mở rộng - <i>Lựa chọn Cơ bản</i> | 1 | S/S | 500.000.000 | 1 năm | 85 | 1.820.000 |
| 5 | SPBH Tử kỳ tái tục hàng năm mở rộng | 1 | S/S | 800.000.000 | 1 năm | 99 | 1.096.000 |
| 6 | SPBH Chăm sóc Sức khỏe Toàn cầu - Chubb Care Plus | | | | | | |
| 6.1 | Quyền lợi Điều trị nội trú - Toàn diện - Đồng chi trả: 0% | 1 | S/S | 1.000.000.000 | 1 năm | 75 | 11.890.000 |
| 6.2 | Quyền lợi Điều trị ngoại trú - Toàn diện - Đồng chi trả: 20% | 1 | S/S | 50.000.000 | 1 năm | 75 | 7.440.000 |
| 6.3 | Quyền lợi nha khoa - Toàn diện - Đồng chi trả: 20% | 1 | S/S | 20.000.000 | 1 năm | 75 | 3.730.000 |
| 6.4 | Quyền lợi thai sản - Toàn diện - Đồng chi trả: 0% | 1 | S/S | 80.000.000 | 1 năm | 54 | 25.620.000 |

Tổng cộng: 82.789.200

 Năm Nửa năm Quý

SPBH Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát

| | | | |
|-------------------------------------|------------|------------|-----------|
| Phí BH cơ bản đóng theo kỳ (1): | 30.000.000 | 15.000.000 | 7.500.000 |
| Phí BH đóng thêm (dự kiến) (2): | 0 | 0 | 0 |
| Phí BH dự kiến theo kỳ (3 = 1 + 2): | 30.000.000 | 15.000.000 | 7.500.000 |
| Thời gian đóng phí (dự kiến): | 20 năm | | |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số: 20260508113010 - 8385042

ĐKKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐKKD:

Văn phòng ĐKKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 8/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

SPBH bán kèm

| | | | |
|--|-------------------|-------------------|-------------------|
| Phí BH đóng theo kỳ (4): | 52.789.200 | 27.978.300 | 14.781.000 |
| Tổng Phí BH đóng theo kỳ (5 = 1 + 4) | 82.789.200 | 42.978.300 | 22.281.000 |
| Tổng Phí BH dự kiến theo kỳ (6 = 3 + 4) | 82.789.200 | 42.978.300 | 22.281.000 |

Ghi chú:

- (*) Điều kiện Bảo hiểm: S/S là điều kiện bảo hiểm chuẩn, còn lại là điều kiện tăng phí bảo hiểm.
- (**) Phí BH bao gồm:
 - o Phí Bảo hiểm cơ bản định kỳ đóng phí Năm của SPBH Liên kết đơn vị.
 - o Phí Bảo hiểm định kỳ đóng phí Năm của các SPBH bán kèm (nếu có).
- (***) Đối với SPBH có thời hạn bảo hiểm 01 năm và có thể được tái tục hàng năm, Phí BH được thể hiện trên đây là của Năm hợp đồng đầu tiên. Phí BH các Năm hợp đồng tiếp theo sẽ được tính theo tuổi, nghề nghiệp của NĐBH tại Ngày tái tục của SPBH.

Lưu ý:

- ❖ Trong vòng 21 ngày kể từ ngày xác nhận đã nhận được Hợp đồng Bảo hiểm, Quý khách có quyền từ chối tiếp tục tham gia Hợp đồng Bảo hiểm bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản đến Chubb Life.
 - ❖ Thời hạn đóng Phí bảo hiểm của SPBH Liên kết đơn vị: BMBH phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí Bảo hiểm cơ bản cho mỗi năm trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên và có thể đóng phí linh hoạt từ năm thứ 04 trở đi cho đến khi kết thúc Thời gian đóng phí dự kiến hoặc Thời hạn Hợp đồng Bảo hiểm, nhưng phải đảm bảo Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHD) đủ để thanh toán Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng hàng tháng để Hợp đồng Bảo hiểm (HĐBH) duy trì hiệu lực.
 - ❖ Thời hạn đóng Phí bảo hiểm của SPBH bán kèm: BMBH phải đóng Phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn để duy trì hiệu lực của các SPBH.
 - ❖ Quy tắc, Điều kiện, Điều khoản của các sản phẩm bảo hiểm và các biểu mẫu, tài liệu liên quan đến sản phẩm được đăng tải tại website:
 - o SPBH Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát: <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/envision-variable-universal-life.html>
 - o Các SPBH bán kèm: <https://www.chubb.com/vn-vn/personal/standalones.html>
- Quý khách vui lòng truy cập theo các đường dẫn nêu trên để tìm hiểu và tham khảo nội dung thông tin chi tiết. Trường hợp cần hỗ trợ và/hoặc giải đáp các thắc mắc, Quý khách vui lòng liên hệ với Chubb Life theo các thông tin nêu tại trang 8 của Tài liệu minh họa này.
- ❖ Dịch vụ chăm sóc khách hàng:
 - o Hộp thư điện tử: Customercare.VNLife@Chubb.com
 - o Trang Thông tin Hợp đồng Bảo hiểm Trực tuyến (“Trang CIS”): www.baohiemchubblife.vn
 - o Trung tâm chăm sóc khách hàng: <https://www.chubb.com/vn-vn/contact-us/chubb-life-offices.html>
 - ❖ Quý khách vui lòng tham khảo chi tiết các quy định của Quy tắc, Điều kiện, Điều khoản và cần tuân thủ các quy định để bảo đảm quyền và lợi ích khi tham gia bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC ĐƯỠNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

III. TỶ LỆ ĐẦU TƯ VÀO CÁC QUỸ

Tỷ lệ Đầu tư mà BMBH chỉ định để phân bổ các khoản Phí BH cơ bản và Phí BH đóng thêm (sau khi trừ Phí ban đầu) vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị như sau:

| Quỹ Liên kết Đơn vị | Phí BH cơ bản | Phí BH đóng thêm |
|--------------------------|---------------|------------------|
| <i>Quỹ Tăng trưởng</i> | 100% | 100% |
| <i>Quỹ Cân bằng</i> | 0% | 0% |
| <i>Quỹ Bền vững</i> | 0% | 0% |
| Tổng Tỷ lệ đầu tư | 100% | 100% |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 10/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

IV. GIẢI THÍCH QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH)

1. BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

| A. Quyền lợi Bảo hiểm | Sự kiện Bảo hiểm | Số tiền Bảo hiểm (đồng) |
|--|--|---|
| QLBH Tử vong (TV) | Tử vong | <p>Trước ngày NDBH đạt 70 tuổi: 800.000.000 cộng với Giá trị Tài khoản Hợp đồng;</p> <p>Kể từ ngày NDBH đạt 70 tuổi: 800.000.000 hoặc Giá trị Tài khoản Cơ bản (lấy giá trị nào lớn hơn), cộng với Giá trị Tài khoản Đóng thêm (1)</p> |
| Quyền lợi chu toàn hậu sự | Tử vong | <p>+ Tạm ứng 30.000.000 ; và</p> <p>+ Được khấu trừ vào số tiền thực trả khi có quyết định chính thức về việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm.</p> |
| QLBH Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV) | Thương tật toàn bộ vĩnh viễn trước khi NDBH1 đạt 75 Tuổi | <ul style="list-style-type: none"> • Do Ung thư tuyến giáp giai đoạn đầu: + 80.000.000 và HDBH tiếp tục hiệu lực. • Do Ung thư tuyến giáp giai đoạn cuối hoặc các nguyên nhân khác: + Trước ngày NDBH đạt 70 tuổi: 800.000.000 cộng với Giá trị Tài khoản Hợp đồng; + Kể từ ngày NDBH đạt 70 tuổi: 800.000.000 hoặc Giá trị Tài khoản Cơ bản (lấy giá trị nào lớn hơn), cộng với Giá trị Tài khoản Đóng thêm (1) + Nếu NDBH bị TTTBVV do Ung thư tuyến giáp giai đoạn cuối thì Chubb Life sẽ khấu trừ số tiền đã chi trả cho quyền lợi bảo hiểm TTTBVV do Ung thư tuyến giáp giai đoạn đầu (nếu có) trước khi chi trả QLBH. |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

| | | |
|--|---|---|
| Quyền lợi tự động tăng Mệnh giá Bảo hiểm | Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 10 và thứ 20 | Tự động tăng thêm 25% MGBH tại Ngày hiệu lực hợp đồng nhưng không cần thẩm định: <ul style="list-style-type: none"> • MGBH minh họa tại: <ul style="list-style-type: none"> - Ngày Hiệu lực hợp đồng: 800.000.000 - Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 10: 1.000.000.000 - Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 20: 1.200.000.000 <i>MGBH tại Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 10 và Năm hợp đồng thứ 20 được minh họa trên giá định BMBH không yêu cầu thay đổi MGBH trước các thời điểm đó.</i> |
| B. Quyền lợi Đầu tư | Thời điểm chi trả | Số tiền chi trả (đồng) |
| Quyền lợi Đầu tư ⁽²⁾ | Vào Ngày định giá | GTTKHD được hưởng kết quả đầu tư thực tế (của) các Quỹ Liên kết Đơn vị do BMBH lựa chọn được công bố tại Ngày định giá theo định kỳ tối thiểu hàng tuần. Ngày định giá hiện tại là ngày thứ Năm hàng tuần. |
| C. Quyền lợi khác | Thời điểm chi trả | Số tiền chi trả (đồng) |
| Quyền lợi Duy trì Hợp đồng ⁽³⁾ | Vào Ngày đáo niên của Năm hợp đồng thứ 10 và thứ 20 | Tỷ lệ phần trăm (%) tổng Phí rủi ro đã khấu trừ trong mỗi Thời gian xem xét |
| Quyền lợi Đáo hạn | Ngày đáo hạn HĐBH | Giá trị Tài khoản Hợp đồng |
| D. Quyền của Bên mua Bảo hiểm | Thời điểm chi trả | Số tiền chi trả (đồng) |
| Quyền gia tăng Mệnh giá Bảo hiểm cho Sự kiện đặc biệt | Sự kiện đặc biệt: kết hôn, sinh con, nhận con nuôi | BMBH có thể yêu cầu tăng MGBH thêm 5% so với MGBH tại Ngày hiệu lực hợp đồng nhưng không cần thẩm định (tổng MGBH tăng thêm tối đa 25% MGBH). |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Lưu ý:

- (1) Trường hợp Sự kiện Bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH đạt 04 Tuổi, Số tiền Bảo hiểm chi trả sẽ được điều chỉnh theo Tuổi của NĐBH được quy định tại Điều khoản chi tiết của sản phẩm bảo hiểm.
- (2) Vui lòng tham khảo Chính sách đầu tư của Quỹ Liên kết đơn vị của Chubb Life tại mục **VII. THÔNG TIN VỀ QUỸ CÁC LIÊN KẾT ĐƠN VỊ**
- (3) Tỷ lệ phần trăm (%) tổng Phí rủi ro đã khấu trừ:

| | | |
|---|------|------|
| Ngày đáo niên của Năm hợp đồng | 10 | 20 |
| Phần trăm (%) của tổng Phí rủi ro đã khấu trừ | 20% | 50% |
| Thời gian xem xét (Năm hợp đồng) | 1-10 | 1-20 |

Để nhận Quyền lợi Duy trì Hợp đồng, Hợp đồng bảo hiểm phải thỏa các điều kiện sau:

1. Trong Thời gian xem xét:

- Hợp đồng Bảo hiểm chưa từng bị đơn phương chấm dứt thực hiện; và
- Không có giao dịch rút tiền từ Giá trị Tài khoản Cơ bản; và
- Phí Bảo hiểm cơ bản phải được đóng đầy đủ trong mỗi Năm hợp đồng và phải hoàn tất trước khi Năm hợp đồng kết thúc; và
- Không có yêu cầu giảm Mệnh giá Bảo hiểm, và

2. Hợp đồng Bảo hiểm vẫn còn hiệu lực tại thời điểm chi trả.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm và điều kiện chi trả của các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

2. SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN KÈM

BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN KÈM

| Sản phẩm Bảo hiểm | Sự kiện Bảo hiểm | Số tiền Bảo hiểm (đồng) |
|---|--|---|
| Người được Bảo hiểm 1 | | |
| <p>SPBH Sức khỏe – Tử vong hoặc Thương tật do Tai nạn mở rộng</p> <p><i>(Nguyên tắc giải quyết Quyền lợi bảo hiểm khi tái tục: Ngoại trừ Quyền lợi Tử vong do Tai nạn, nếu tổng Số tiền Bảo hiểm chi trả bằng 100% MGBH, thì SPBH này chấm dứt hiệu lực.)</i></p> <p><i>Chi tiết được quy định tại Điều 5 của Điều khoản chi tiết sản phẩm.</i></p> | Chấn thương nội tạng, chấn thương xương khớp, bông, thương tật hoặc thương tật mở rộng do Tai nạn | % của 500.000.000 tùy theo tỷ lệ Tồn thương |
| | Tử vong do Tai nạn khi đang du lịch nước ngoài do công ty du lịch của Việt Nam tổ chức | 1.500.000.000 |
| | Tử vong do Tai nạn: - Hành khách trên phương tiện vận chuyển công cộng; - Hỏa hoạn trong các tòa nhà được quy định tại Điều khoản chi tiết của sản phẩm; - Cùng với người hôn phối trong 01 Sự kiện Bảo hiểm; - Trong các Ngày nghỉ quốc gia của Việt Nam. | 1.000.000.000 |
| | Tử vong do Tai nạn trong các trường hợp khác | 500.000.000 |
| <p>SPBH Sức khỏe – Hỗ trợ Nằm viện mở rộng</p> <p><i>(Nguyên tắc giải quyết Quyền lợi bảo hiểm khi tái tục: Nếu tổng số Ngày nằm viện được chi trả của QLBH Hỗ trợ nằm viện và QLBH Hỗ trợ nằm viện tại Khoa Hồi sức tích cực bằng 1.000 ngày, thì SPBH này chấm dứt hiệu lực)</i></p> <p><i>Chi tiết được quy định tại Điều 5 của Điều khoản chi tiết sản phẩm.</i></p> | Hỗ trợ nằm viện | • 400.000/Ngày nằm viện. |
| | Hỗ trợ nằm viện tại Khoa Hồi sức tích cực | • 1.200.000/Ngày nằm viện điều trị tại Khoa hồi sức tích cực. |
| | Hỗ trợ Phẫu thuật | • 2.000.000/ Lần Phẫu thuật/ Năm hợp đồng; • Chi trả tối đa 5 lần. |
| | Hỗ trợ Phẫu thuật Đặc biệt | • 8.000.000 cho phương pháp Phẫu thuật mở hộp sọ và mở lồng ngực; • Chi trả 1 lần/ Năm hợp đồng, tối đa 5 lần. |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO. KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

| Sản phẩm Bảo hiểm | Sự kiện Bảo hiểm | Số tiền Bảo hiểm (đồng) |
|--|--------------------------------|--|
| Người được Bảo hiểm 1 | | |
| <p>SPBH Sức khỏe – Bệnh hiểm nghèo mở rộng - Lựa chọn Cơ bản</p> <p><i>(Nguyên tắc giải quyết Quyền lợi bảo hiểm khi tái tục:</i></p> <p><i>Không chi trả QLBH cho các Bệnh hiểm nghèo thuộc cùng Nhóm Bệnh hiểm nghèo với Bệnh hiểm nghèo đã được Chubb Life chấp thuận chi trả quyền lợi; và</i></p> <p><i>Vẫn xem xét chi trả QLBH cho các Bệnh hiểm nghèo thuộc các Nhóm Bệnh hiểm nghèo còn lại theo quy định của Quy tắc, Điều kiện, Điều khoản.)</i></p> <p><i>Chi tiết được quy định tại Điều 5 của Điều khoản chi tiết sản phẩm.</i></p> | Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối | <ul style="list-style-type: none"> • 125.000.000 cho bệnh Ung thư tuyến giáp; hoặc • 500.000.000 cho các Bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối khác; • Chi trả tối đa 5 lần. |
| SPBH Tử kỳ tái tục hàng năm mở rộng | Tử vong | 800.000.000 |

Ngoại trừ SPBH Sức khỏe – Hỗ trợ Nằm viện mở rộng, nếu Sự kiện Bảo hiểm xảy ra trước khi NĐBH đạt 04 Tuổi thì Số tiền Bảo hiểm chi trả sẽ được điều chỉnh theo Tuổi của NĐBH quy định tại Điều khoản chi tiết của (các) sản phẩm bảo hiểm.

Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, điều kiện chi trả quyền lợi bảo hiểm và nguyên tắc giải quyết quyền lợi bảo hiểm được quy định tại Điều khoản chi tiết của từng sản phẩm.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 15/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN CẦU - CHUBB CARE PLUS

Quyền lợi Điều trị nội trú

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm | Toàn diện |
|---|-------------------------|
| Phạm vi địa lý được bảo hiểm | Châu Á |
| Mệnh giá Bảo hiểm | 1.000.000.000 |
| Tỷ lệ đồng chi trả | 0% |
| Mức miễn thường | Không áp dụng |
| Phạm vi bảo hiểm | Giới hạn phụ |
| A. Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị (chỉ áp dụng giới hạn này cho mục từ B.1 đến B.11) | |
| Có Phẫu thuật | 400.000.000 |
| Không có Phẫu thuật | 200.000.000 |
| B. Viện phí và các giới hạn Điều trị nội trú (các giới hạn này đồng thời cũng áp dụng cho mục C1, D, E, F) | |
| 1. Chi phí giường điều trị (tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng). | 5.000.000/Ngày nằm viện |
| 2. Chi phí giường điều trị ở Khoa Hồi sức tích cực (tối đa 60 ngày/Năm hợp đồng) | Theo chi phí thực tế |
| 3. Chi phí giường cho 01 người thân (Tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) | 1.500.000/Ngày nằm viện |
| 4. Trợ cấp điều trị tại Bệnh viện công (tối đa 30 ngày/Năm hợp đồng) | 750.000/Ngày nằm viện |

| Chương trình bảo hiểm | Toàn diện |
|--|--|
| 5. Chi phí Phẫu thuật | Theo chi phí thực tế |
| 6. Các chi phí Điều trị nội trú khác | Theo chi phí thực tế |
| 7. Chi phí Điều trị trước khi nhập viện | Theo chi phí thực tế |
| 8. Chi phí Điều trị sau khi xuất viện | Theo chi phí thực tế |
| 9. Chi phí y tế Chăm sóc tại nhà (Tối đa 30 ngày/ Năm hợp đồng) | 2.000.000/ngày |
| 10. Chi phí Điều trị Phục hồi chức năng và vật lý trị liệu | 5.000.000/Năm hợp đồng |
| 11. Chi phí Điều trị trong ngày | Theo chi phí thực tế |
| C. Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy, tủy xương) | |
| 1. Chi phí cho Người được Bảo hiểm | Theo chi phí thực tế |
| 2. Chi phí cho người hiến tạng cho Người được Bảo hiểm | 50% chi phí Phẫu thuật |
| D. Điều trị Ung thư và 4 bệnh hiểm nghèo phổ biến | |
| 1. Điều trị Ung thư và 4 bệnh hiểm nghèo phổ biến | Theo chi phí thực tế |
| 2. Chi phí tư vấn dinh dưỡng và tư vấn tâm lý cho Người được Bảo hiểm điều trị Ung thư | 4.000.000/Năm hợp đồng |
| 3. Phẫu thuật tái tạo do Ung thư | 20.000.000/lần Phẫu thuật/Năm hợp đồng |
| E. Chạy thận nhân tạo | 100.000.000/Năm hợp đồng |
| F. Quyền lợi nhân đôi Mệnh giá Bảo hiểm | 1.000.000.000/Năm hợp đồng |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO. KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Quyền lợi Điều trị ngoại trú

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm | Toàn diện |
|--|------------------------|
| Phạm vi địa lý được bảo hiểm | Châu Á |
| Mệnh giá Bảo hiểm | 50.000.000 |
| Tỷ lệ đồng chi trả | 20% |
| Phạm vi bảo hiểm | Giới hạn phụ |
| A. Chi phí Điều trị ngoại trú | 5.000.000/Lần khám |
| B. Chi phí Điều trị phục hồi chức năng và vật lý trị liệu | 5.000.000/Năm hợp đồng |
| C. Chi phí điều trị bằng Y học thay thế | 5.000.000/Năm hợp đồng |
| D. Tiêm chủng và/hoặc khám sức khỏe định kỳ | Không áp dụng |

Quyền lợi nha khoa

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm | Toàn diện |
|-------------------------------------|---------------------|
| Phạm vi địa lý được bảo hiểm | Châu Á |
| Mệnh giá Bảo hiểm | 20.000.000 |
| Tỷ lệ đồng chi trả | 20% |
| Phạm vi bảo hiểm | Giới hạn phụ |
| A. Chi phí điều trị nha khoa | 10.000.000/Lần khám |
| B. Chi phí chăm sóc răng | 4.000.000/Lần khám |

Quyền lợi thai sản

Đơn vị: đồng

| Chương trình bảo hiểm | Toàn diện |
|--|-------------------------|
| Phạm vi địa lý được bảo hiểm | Việt Nam |
| Mệnh giá Bảo hiểm | 80.000.000 |
| Tỷ lệ đồng chi trả | 0% |
| Phạm vi bảo hiểm | Giới hạn phụ |
| A. Chi phí gói sinh thường | 60.000.000/Năm hợp đồng |
| 1. Chi phí giường điều trị | 5.000.000/Ngày nằm viện |
| 2. Chi phí giường điều trị ở Khoa Hồi sức tích cực | Theo chi phí thực tế |
| B. Chi phí gói sinh mổ | 80.000.000/Năm hợp đồng |
| 1. Chi phí giường điều trị | 5.000.000/Ngày nằm viện |
| 2. Chi phí giường điều trị ở Khoa Hồi sức tích cực | Theo chi phí thực tế |
| C. Chi phí khám thai (tối đa 5 lần/Năm hợp đồng) | 2.500.000/Lần khám |
| D. Chi phí dưỡng nhi (tối đa 7 ngày/Năm hợp đồng) | 5.000.000/Ngày nằm viện |
| E. Chi phí điều trị Biến chứng thai sản | Theo chi phí thực tế |

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO. KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

Quyền lợi hỗ trợ lạm phát y tế

Ngày tái tục thứ 2, thứ 4 và thứ 6 của sản phẩm bảo hiểm:

- Mệnh giá Bảo hiểm,
- Chi phí giường điều trị,
- Giới hạn cho mỗi Đợt điều trị

của Quyền lợi Điều trị nội trú sẽ được tự động tăng thêm với mức tăng là 10% của các hạn mức này trong Năm hợp đồng thứ nhất của sản phẩm bảo hiểm.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 18/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

V. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên (thời gian đóng phí bắt buộc)

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HD/ Tuổi NĐBH 1 | Phí BH cơ bản | Phí ban đầu | Phí đem đi đầu tư | | | | Các Khoản Khấu trừ hàng tháng | | |
|---------------------------|---------------|-------------|-------------------|--------------|--------------|------------------------|-------------------------------|---------------------|----------------------|
| | | | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững | Tổng Phí đem đi đầu tư | Phí rủi ro | | Phí quản lý hợp đồng |
| | | | | | | | Tỷ suất đầu tư cao | Tỷ suất đầu tư thấp | |
| 1/31 | 30.000 | 15.000 | 15.000 | - | - | 15.000 | 874 | 874 | 560 |
| 2/32 | 30.000 | 9.000 | 21.000 | - | - | 21.000 | 902 | 902 | 584 |
| 3/33 | 30.000 | 6.000 | 24.000 | - | - | 24.000 | 941 | 941 | 608 |
| 4/34 | - | - | - | - | - | - | 979 | 979 | 316 |
| 5/35 | - | - | - | - | - | - | 1.027 | 1.027 | 656 |
| 6/36 | - | - | - | - | - | - | 1.085 | 1.085 | 680 |
| 7/37 | - | - | - | - | - | - | 1.162 | 1.162 | 704 |
| 8/38 | - | - | - | - | - | - | 1.248 | 1.248 | 728 |
| 9/39 | - | - | - | - | - | - | 1.363 | 1.363 | 752 |
| 10/40 | - | - | - | - | - | - | 1.478 | 1.478 | 776 |
| 11/41 | - | - | - | - | - | - | 2.016 | 2.016 | 800 |
| 12/42 | - | - | - | - | - | - | 2.196 | 2.196 | 824 |
| 13/43 | - | - | - | - | - | - | 2.376 | 2.376 | 840 |
| 14/44 | - | - | - | - | - | - | 2.556 | 2.556 | 840 |
| 15/45 | - | - | - | - | - | - | 2.748 | 2.748 | 840 |
| 16/46 | - | - | - | - | - | - | 2.940 | 2.940 | 840 |
| 17/47 | - | - | - | - | - | - | 3.132 | 3.132 | 840 |
| 18/48 | - | - | - | - | - | - | 3.348 | 3.348 | 840 |
| 19/49 | - | - | - | - | - | - | 3.576 | 3.576 | 840 |
| 20/50 | - | - | - | - | - | - | 3.828 | 3.828 | 840 |

Lưu ý:

1. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH cơ bản trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHĐ.
3. Các giá trị minh họa của Phí rủi ro nêu ở bảng trên được minh họa trên Tỷ suất đầu tư cao và Tỷ suất đầu tư thấp (Quý khách vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại bảng Tỷ suất đầu tư dự kiến tại mục VI. của Tài liệu minh họa này).
4. (*) HDBH bị đơn phương chấm dứt thực hiện khi GTTKHĐ nhỏ hơn 0.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HD/ Tuổi NDBH 1 | Phí BH | | | Phí ban đầu | | | Phí đem đi đầu tư | | | | Các Khoản Khấu trừ hàng tháng | | |
|---------------------------------|------------------|---------------------|----------------|------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|------------------------------|-------------------------------|---------------------------|----------------------------|
| | Phí BH cơ bản | Phí BH đóng thêm | Tổng Phí BH | Phí BH cơ bản | Phí BH đóng thêm | Tổng Phí ban đầu | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững | Tổng Phí đem đi đầu tư | Phí rủi ro | | Phí quản lý hợp đồng |
| | | | | | | | | | | | Tỷ suất đầu tư cao | Tỷ suất đầu tư thấp | |
| 1/31 | 30.000 | - | 30.000 | 15.000 | - | 15.000 | 15.000 | - | - | 15.000 | 874 | 874 | 560 |
| 2/32 | 30.000 | - | 30.000 | 9.000 | - | 9.000 | 21.000 | - | - | 21.000 | 902 | 902 | 584 |
| 3/33 | 30.000 | - | 30.000 | 6.000 | - | 6.000 | 24.000 | - | - | 24.000 | 941 | 941 | 608 |
| 4/34 | 30.000 | - | 30.000 | 6.000 | - | 6.000 | 24.000 | - | - | 24.000 | 979 | 979 | 316 |
| 5/35 | 30.000 | - | 30.000 | 6.000 | - | 6.000 | 24.000 | - | - | 24.000 | 1.027 | 1.027 | 328 |
| 6/36 | 30.000 | - | 30.000 | 450 | - | 450 | 29.550 | - | - | 29.550 | 1.085 | 1.085 | 340 |
| 7/37 | 30.000 | - | 30.000 | 450 | - | 450 | 29.550 | - | - | 29.550 | 1.162 | 1.162 | 352 |
| 8/38 | 30.000 | - | 30.000 | 450 | - | 450 | 29.550 | - | - | 29.550 | 1.248 | 1.248 | 364 |
| 9/39 | 30.000 | - | 30.000 | 450 | - | 450 | 29.550 | - | - | 29.550 | 1.363 | 1.363 | 376 |
| 10/40 | 30.000 | - | 30.000 | 450 | - | 450 | 29.550 | - | - | 29.550 | 1.478 | 1.478 | 388 |
| 11/41 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 2.016 | 2.016 | 400 |
| 12/42 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 2.196 | 2.196 | 412 |
| 13/43 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 2.376 | 2.376 | 420 |
| 14/44 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 2.556 | 2.556 | 420 |
| 15/45 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 2.748 | 2.748 | 420 |
| 16/46 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 2.940 | 2.940 | 420 |
| 17/47 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 3.132 | 3.132 | 420 |
| 18/48 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 3.348 | 3.348 | 420 |
| 19/49 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 3.576 | 3.576 | 420 |
| 20/50 | 30.000 | - | 30.000 | - | - | - | 30.000 | - | - | 30.000 | 3.828 | 3.828 | 420 |

Lưu ý:

1. Phí BH đóng thêm (nếu có) chỉ được phân bổ vào (các) Quỹ Liên kết Đơn vị vào ngày kết thúc Thời gian cân nhắc và được dùng để mua (các) Đơn vị quỹ theo Giá đơn vị quỹ vào Ngày định giá ngay sau ngày kết thúc Thời gian cân nhắc.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHĐ.
3. Các giá trị minh họa của Phí rủi ro nêu ở bảng trên được minh họa trên Tỷ suất đầu tư cao và Tỷ suất đầu tư thấp (Quý khách vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại bảng Tỷ suất đầu tư dự kiến tại mục VI. của Tài liệu minh họa này).
4. (*) HĐBH bị đơn phương chấm dứt thực hiện khi GTTKHĐ nhỏ hơn 0.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

VI. MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. Trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên (thời gian đóng phí bắt buộc)

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HĐ/ Tuổi NDBH 1 | Phí BH Cơ bản | Tổng Phí đem đi đầu tư | CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO) | | | | | | | |
|------------------------------|------------------|------------------------------|---|-----------------|-----------------|------------------------|---------|-------------------------|---------------------|--|
| | | | Giá trị Quỹ | | | QL Duy trì Hợp đồng | GTTKHD | QLBH Từ vong/ TTTBVV | Giá trị Hoàn lại | |
| | | | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững | | | | | |
| 1/31 | 30.000 | 15.000 | 14.848 | - | - | - | 14.848 | 814.848 | - | |
| 2/32 | 30.000 | 21.000 | 37.526 | - | - | - | 37.526 | 837.526 | 7.526 | |
| 3/33 | 30.000 | 24.000 | 65.440 | - | - | - | 65.441 | 865.441 | 50.441 | |
| 4/34 | - | - | 69.973 | - | - | - | 69.973 | 869.973 | 60.973 | |
| 5/35 | - | - | 74.507 | - | - | - | 74.507 | 874.507 | 68.507 | |
| 6/36 | - | - | 79.382 | - | - | - | 79.382 | 879.382 | 79.382 | |
| 7/37 | - | - | 84.572 | - | - | - | 84.572 | 884.572 | 84.572 | |
| 8/38 | - | - | 90.113 | - | - | - | 90.113 | 890.113 | 90.113 | |
| 9/39 | - | - | 96.007 | - | - | - | 96.007 | 896.007 | 96.007 | |
| 10/40 | - | - | 102.310 | - | - | - | 102.310 | 1.102.310 | 102.310 | |
| 11/41 | - | - | 108.567 | - | - | - | 108.567 | 1.108.567 | 108.567 | |
| 12/42 | - | - | 115.174 | - | - | - | 115.174 | 1.115.174 | 115.174 | |
| 13/43 | - | - | 122.169 | - | - | - | 122.169 | 1.122.169 | 122.169 | |
| 14/44 | - | - | 129.637 | - | - | - | 129.637 | 1.129.637 | 129.637 | |
| 15/45 | - | - | 137.544 | - | - | - | 137.544 | 1.137.544 | 137.544 | |
| 16/46 | - | - | 145.962 | - | - | - | 145.962 | 1.145.962 | 145.962 | |
| 17/47 | - | - | 154.936 | - | - | - | 154.936 | 1.154.936 | 154.936 | |
| 18/48 | - | - | 164.531 | - | - | - | 164.531 | 1.164.531 | 164.531 | |
| 19/49 | - | - | 174.711 | - | - | - | 174.711 | 1.174.711 | 174.711 | |
| 20/50 | - | - | 185.544 | - | - | - | 185.544 | 1.385.544 | 185.544 | |

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

| | | | |
|---|------------------|------------------------------|-----------------|
| Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: | 0 | Tổng số năm đóng phí: | 3 năm |
| GTTKHD tại cuối Năm hợp đồng 20: | 185.543.800 đồng | Tổng số phí đóng: | 90.000.000 đồng |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Lưu ý:

1. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH cơ bản trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHĐ.
3. Các giá trị nêu trong (các) Bảng minh họa trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 22/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HD/ Tuổi NDBH 1 | Tổng Phí BH | Tổng Phí đem đi đầu tư | CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO) | | | | | | |
|------------------------------|----------------|------------------------------|--|-----------------|-----------------|------------------------|--------|-------------------------|---------------------|
| | | | Giá trị Quỹ | | | QL Duy trì Hợp đồng | GTTKHD | QLBH Tử vong/ TTTBVV | Giá trị Hoàn lại |
| | | | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững | | | | |
| 1/31 | 30.000 | 15.000 | 13.709 | - | - | - | 13.709 | 813.709 | - |
| 2/32 | 30.000 | 21.000 | 33.562 | - | - | - | 33.562 | 833.562 | 3.562 |
| 3/33 | 30.000 | 24.000 | 56.581 | - | - | - | 56.581 | 856.581 | 41.581 |
| 4/34 | - | - | 55.844 | - | - | - | 55.845 | 855.845 | 46.845 |
| 5/35 | - | - | 54.711 | - | - | - | 54.711 | 854.711 | 48.711 |
| 6/36 | - | - | 53.485 | - | - | - | 53.485 | 853.485 | 53.485 |
| 7/37 | - | - | 52.144 | - | - | - | 52.144 | 852.144 | 52.144 |
| 8/38 | - | - | 50.679 | - | - | - | 50.679 | 850.679 | 50.679 |
| 9/39 | - | - | 49.059 | - | - | - | 49.059 | 849.059 | 49.059 |
| 10/40 | - | - | 47.285 | - | - | - | 47.285 | 1.047.285 | 47.285 |
| 11/41 | - | - | 44.926 | - | - | - | 44.926 | 1.044.926 | 44.926 |
| 12/42 | - | - | 42.339 | - | - | - | 42.339 | 1.042.339 | 42.339 |
| 13/43 | - | - | 39.529 | - | - | - | 39.530 | 1.039.530 | 39.530 |
| 14/44 | - | - | 36.512 | - | - | - | 36.512 | 1.036.512 | 36.512 |
| 15/45 | - | - | 33.269 | - | - | - | 33.269 | 1.033.269 | 33.269 |
| 16/46 | - | - | 29.802 | - | - | - | 29.802 | 1.029.802 | 29.802 |
| 17/47 | - | - | 26.106 | - | - | - | 26.106 | 1.026.106 | 26.106 |
| 18/48 | - | - | 22.157 | - | - | - | 22.157 | 1.022.157 | 22.157 |
| 19/49 | - | - | 17.939 | - | - | - | 17.939 | 1.017.939 | 17.939 |
| 20/50 | - | - | 13.425 | - | - | - | 13.426 | 1.213.426 | 13.426 |

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

| | | | |
|---|-----------------|------------------------------|-----------------|
| Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: | 0 | Tổng số năm đóng phí: | 3 năm |
| GTTKHD tại cuối Năm hợp đồng 20: | 13.425.500 đồng | Tổng số phí đóng: | 90.000.000 đồng |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Lưu ý:

1. Minh họa về quyền lợi bảo hiểm cho trường hợp BMBH chỉ đóng Phí BH cơ bản trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên, không bao gồm Phí BH đóng thêm.
2. Khoản Khấu trừ hàng tháng sẽ được trừ từ GTTKHĐ.
3. Các giá trị nêu trong (các) Bảng minh họa trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 24/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

2. Trường hợp BMBH đóng đầy đủ Phí BH trong thời gian đóng phí dự kiến

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HĐ/ Tuổi NDBH 1 | Tổng Phí BH | Tổng Phí đem đi đầu tư | CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ CAO (KHÔNG ĐẢM BẢO) | | | | | | | |
|------------------------------|----------------|------------------------------|---|-----------------|-----------------|------------------------|-----------|-------------------------|---------------------|---------------------|
| | | | Giá trị Quỹ | | | QL Duy trì Hợp đồng | GTTKHD | QLBH Tử vong/ TTTBVV | Giá trị Hoàn lại | Yêu cầu rút tiền |
| | | | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững | | | | | |
| 1/31 | 30.000 | 15.000 | 14.848 | - | - | - | 14.848 | 814.848 | - | - |
| 2/32 | 30.000 | 21.000 | 37.526 | - | - | - | 37.526 | 837.526 | 7.526 | - |
| 3/33 | 30.000 | 24.000 | 65.440 | - | - | - | 65.441 | 865.441 | 50.441 | - |
| 4/34 | 30.000 | 24.000 | 96.133 | - | - | - | 96.133 | 896.133 | 87.133 | - |
| 5/35 | 30.000 | 24.000 | 129.525 | - | - | - | 129.525 | 929.525 | 123.525 | - |
| 6/36 | 30.000 | 29.550 | 171.939 | - | - | - | 171.940 | 971.940 | 171.940 | - |
| 7/37 | 30.000 | 29.550 | 218.038 | - | - | - | 218.038 | 1.018.038 | 218.038 | - |
| 8/38 | 30.000 | 29.550 | 268.181 | - | - | - | 268.181 | 1.068.181 | 268.181 | - |
| 9/39 | 30.000 | 29.550 | 322.705 | - | - | - | 322.705 | 1.122.705 | 322.705 | - |
| 10/40 | 30.000 | 29.550 | 384.304 | - | - | 2.212 | 384.304 | 1.384.304 | 384.304 | - |
| 11/41 | 30.000 | 30.000 | 449.060 | - | - | - | 449.060 | 1.449.060 | 449.060 | - |
| 12/42 | 30.000 | 30.000 | 519.443 | - | - | - | 519.443 | 1.519.443 | 519.443 | - |
| 13/43 | 30.000 | 30.000 | 595.962 | - | - | - | 595.963 | 1.595.963 | 595.963 | - |
| 14/44 | 30.000 | 30.000 | 679.341 | - | - | - | 679.341 | 1.679.341 | 679.341 | - |
| 15/45 | 30.000 | 30.000 | 769.862 | - | - | - | 769.862 | 1.769.862 | 769.862 | - |
| 16/46 | 30.000 | 30.000 | 868.329 | - | - | - | 868.329 | 1.868.329 | 868.329 | - |
| 17/47 | 30.000 | 30.000 | 975.456 | - | - | - | 975.456 | 1.975.456 | 975.456 | - |
| 18/48 | 30.000 | 30.000 | 1.092.257 | - | - | - | 1.092.257 | 2.092.257 | 1.092.257 | - |
| 19/49 | 30.000 | 30.000 | 1.219.072 | - | - | - | 1.219.072 | 2.219.073 | 1.219.073 | - |
| 20/50 | 30.000 | 30.000 | 1.376.925 | - | - | 19.888 | 1.376.925 | 2.576.925 | 1.376.925 | - |

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

| | | | |
|---|--------------------|--|------------------|
| Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: | 22.099.400 đồng | Tổng số năm đóng phí (dự kiến): | 20 năm |
| GTTKHD tại cuối Năm hợp đồng 20: | 1.376.925.100 đồng | Tổng số phí đóng (dự kiến): | 600.000.000 đồng |
| | | Tổng số tiền rút (dự kiến): | 0 đồng |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Lưu ý:

1. Các giá trị nêu trong (các) Bảng minh họa trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị.
2. Số tiền do BMBH yêu cầu rút từ GTTKHĐ được minh họa tại cuối mỗi Năm hợp đồng và sau khi chi trả QL Duy trì Hợp đồng.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 26/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

Đơn vị tính: nghìn đồng

| Năm HD/ Tuổi NDBH 1 | Tổng Phí BH | Tổng Phí đem đi đầu tư | CÁC GIÁ TRỊ MINH HỌA Ở TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THẤP (KHÔNG ĐẢM BẢO) | | | | | | | |
|------------------------------|----------------|------------------------------|--|-----------------|-----------------|------------------------|---------|-------------------------|---------------------|---------------------|
| | | | Giá trị Quỹ | | | QL Duy trì Hợp đồng | GTTKHD | QLBH Tử vong/ TTTBVV | Giá trị Hoàn lại | Yêu cầu rút tiền |
| | | | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững | | | | | |
| 1/31 | 30.000 | 15.000 | 13.709 | - | - | - | 13.709 | 813.709 | - | - |
| 2/32 | 30.000 | 21.000 | 33.562 | - | - | - | 33.562 | 833.562 | 3.562 | - |
| 3/33 | 30.000 | 24.000 | 56.581 | - | - | - | 56.581 | 856.581 | 41.581 | - |
| 4/34 | 30.000 | 24.000 | 80.084 | - | - | - | 80.085 | 880.085 | 71.085 | - |
| 5/35 | 30.000 | 24.000 | 103.763 | - | - | - | 103.763 | 903.763 | 97.763 | - |
| 6/36 | 30.000 | 29.550 | 133.217 | - | - | - | 133.217 | 933.217 | 133.217 | - |
| 7/37 | 30.000 | 29.550 | 162.873 | - | - | - | 162.873 | 962.873 | 162.873 | - |
| 8/38 | 30.000 | 29.550 | 192.727 | - | - | - | 192.727 | 992.727 | 192.727 | - |
| 9/39 | 30.000 | 29.550 | 222.751 | - | - | - | 222.751 | 1.022.751 | 222.751 | - |
| 10/40 | 30.000 | 29.550 | 255.166 | - | - | 2.212 | 255.166 | 1.255.166 | 255.166 | - |
| 11/41 | 30.000 | 30.000 | 285.589 | - | - | - | 285.589 | 1.285.589 | 285.589 | - |
| 12/42 | 30.000 | 30.000 | 316.123 | - | - | - | 316.123 | 1.316.123 | 316.123 | - |
| 13/43 | 30.000 | 30.000 | 346.773 | - | - | - | 346.773 | 1.346.773 | 346.773 | - |
| 14/44 | 30.000 | 30.000 | 377.559 | - | - | - | 377.559 | 1.377.559 | 377.559 | - |
| 15/45 | 30.000 | 30.000 | 408.449 | - | - | - | 408.449 | 1.408.449 | 408.449 | - |
| 16/46 | 30.000 | 30.000 | 439.456 | - | - | - | 439.456 | 1.439.456 | 439.456 | - |
| 17/47 | 30.000 | 30.000 | 470.579 | - | - | - | 470.579 | 1.470.579 | 470.579 | - |
| 18/48 | 30.000 | 30.000 | 501.810 | - | - | - | 501.810 | 1.501.811 | 501.811 | - |
| 19/49 | 30.000 | 30.000 | 533.111 | - | - | - | 533.111 | 1.533.111 | 533.111 | - |
| 20/50 | 30.000 | 30.000 | 584.359 | - | - | 19.888 | 584.359 | 1.784.359 | 584.359 | - |

TÓM TẮT CÁC QUYỀN LỢI:

| | | | |
|---|------------------|--|------------------|
| Tổng Quyền lợi Duy trì Hợp đồng: | 22.099.400 đồng | Tổng số năm đóng phí (dự kiến): | 20 năm |
| GTTKHD tại cuối Năm hợp đồng 20: | 584.358.900 đồng | Tổng số phí đóng (dự kiến): | 600.000.000 đồng |
| | | Tổng số tiền rút (dự kiến): | 0 đồng |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Lưu ý:

1. Các giá trị nêu trong (các) Bảng minh họa trên được tính toán trên cơ sở cuối Năm hợp đồng với điều kiện Phí bảo hiểm được đóng đủ vào đầu Năm hợp đồng. Các giá trị này có thể thay đổi theo định kỳ đóng phí và tùy thuộc kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị.
2. Số tiền do BMBH yêu cầu rút từ GTTKHĐ được minh họa tại cuối mỗi Năm hợp đồng và sau khi chi trả QL Duy trì Hợp đồng.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 28/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

Ghi chú:

- Giá trị Hoàn lại được xác định bằng GTTKHD tại Ngày định giá ngay sau ngày chấm dứt hiệu lực của HĐBH trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng và các Khoản nợ (nếu có).
- Các khoản nợ của HĐBH và Quyền lợi chu toàn hậu sự (nếu có), sẽ được khấu trừ trước khi Chubb Life chi trả bất cứ quyền lợi bảo hiểm nào.
- HĐBH có thể bị đơn phương chấm dứt thực hiện nếu GTTKHD không đủ chi trả cho các Khoản Khấu trừ hàng tháng, trừ trường hợp HĐBH được đảm bảo duy trì hiệu lực trong 3 Năm hợp đồng đầu tiên theo điều kiện quy định trong Quy tắc, Điều kiện, Điều khoản của sản phẩm.
- Các giao dịch liên quan đến HĐBH như thay đổi MGBH, rút tiền từ GTTKHD và các giao dịch khác được quy định cụ thể trong Điều khoản chi tiết của sản phẩm phải được BMBH gửi yêu cầu theo mẫu cho Chubb Life và chỉ có hiệu lực sau khi được Chubb Life chấp thuận bằng văn bản.
- Theo quy định của pháp luật, Tài liệu minh họa này chỉ minh họa quyền lợi đầu tư trong 20 năm. Trường hợp BMBH tiếp tục đóng phí để duy trì hiệu lực HĐBH thì các khoản phí bảo hiểm vẫn được phân bổ vào GTTKHD và nhận toàn bộ kết quả đầu tư và chịu mọi rủi ro đầu tư.
- Các mức Tỷ suất đầu tư cao và Tỷ suất đầu tư thấp được minh họa cho các Quỹ chỉ mang tính chất tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của các Quỹ và không được đảm bảo trong tương lai. Mức Tỷ suất đầu tư dự kiến được giả định như bảng dưới đây và giả định này là không thay đổi trong suốt Thời hạn HĐBH.

| Quỹ Liên kết Đơn vị | Tỷ suất đầu tư dự kiến | |
|------------------------|------------------------|-------|
| | Cao | Thấp |
| Quỹ Tăng trưởng | 9,00% | 1,00% |
| Quỹ Cân bằng | 7,50% | 2,00% |
| Quỹ Bền vững | 6,00% | 3,00% |

- Giá đơn vị quỹ của các Quỹ Liên kết Đơn vị có thể tăng hoặc giảm nên Tỷ suất đầu tư thực tế từ hoạt động của Quỹ Liên kết Đơn vị có thể **CAO HƠN** hoặc **THẤP HƠN** mức Tỷ suất đầu tư dự kiến.
- GTTKHD phụ thuộc vào kết quả của các khoản đầu tư trong từng Quỹ Liên kết Đơn vị và có thể **THẤP HƠN** tổng Phí đem đi đầu tư.
- Quý khách có thể sử dụng công cụ tính toán để tham khảo các Tỷ suất đầu tư giả định khác tại website: <https://www.chubb.com/vn-vn/customer-service/online-bbq-tool.html>

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

VII. THÔNG TIN VỀ CÁC QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ

1. THÔNG TIN CHUNG

| Quỹ Liên kết Đơn vị | Mục tiêu | Danh mục đầu tư | Tỷ lệ đầu tư | | Lợi nhuận kỳ vọng và mức độ rủi ro |
|------------------------|---|-----------------------------|--------------|--------|------------------------------------|
| | | | Tối thiểu | Tối đa | |
| Quỹ Tăng trưởng | Tối đa hóa lợi nhuận từ trung đến dài hạn | Cổ phiếu | 70% | 100% | Cao |
| | | Công cụ thị trường tiền tệ | 0% | 30% | |
| Quỹ Cân bằng | Cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn | Cổ phiếu | 35% | 65% | Trung bình |
| | | Tài sản có thu nhập ổn định | 35% | 65% | |
| | | Công cụ thị trường tiền tệ | 0% | 30% | |
| Quỹ Bền vững | Tạo thu nhập ổn định và bảo toàn vốn | Tài sản có thu nhập ổn định | 70% | 100% | Thấp |
| | | Công cụ thị trường tiền tệ | 0% | 30% | |

Ghi chú:

- Cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn: Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam và các chứng khoán liên quan đến cổ phiếu phát sinh từ thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu.
- Công cụ thị trường tiền tệ, bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mặt tại ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 03 tháng trở xuống và các sản phẩm đầu tư thị trường tiền tệ khác mà pháp luật cho phép.
- Tài sản có thu nhập ổn định, bao gồm nhưng không giới hạn: trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn trên 03 tháng và các sản phẩm đầu tư có thu nhập cố định khác mà pháp luật cho phép.
- Các Quỹ Liên kết Đơn vị nêu trên được quản lý bởi Công ty quản lý quỹ VinaCapital.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

2. TỶ SUẤT ĐẦU TƯ THỰC TẾ & CÁC CHỈ SỐ THAM KHẢO

| Năm | Tỷ suất đầu tư thực tế | | |
|-------|------------------------|--------------|--------------|
| | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững |
| 2023* | 13,60% | 11,00% | 8,30% |
| 2024 | 25,94% | 19,18% | 7,87% |
| 2025 | 11,06% | 10,81% | 7,06% |

| Năm | Các chỉ số tham khảo | |
|-------|----------------------|---|
| | VN INDEX | Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 1 năm (Vietcombank) |
| 2023* | 6,20% | 4,80% |
| 2024 | 12,11% | 4,60% |
| 2025 | 40,87% | 5,20% |

(* Tỷ suất đầu tư thực tế của các Quỹ Liên kết Đơn vị năm 2023 được tính từ ngày 09/02/2023 đến ngày 31/12/2023.

3. ĐỊNH GIÁ ĐƠN VỊ QUỸ

- Tài sản của Quỹ Liên kết Đơn vị được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là Đơn vị quỹ.
- Giá đơn vị quỹ được xác định bằng cách lấy Giá trị tài sản ròng của Quỹ Liên kết Đơn vị chia cho số lượng Đơn vị quỹ của Quỹ liên kết Đơn vị đó tại Ngày định giá (Thứ 5 hàng tuần) và được công bố trên website <https://www.chubb.com/vn-vn/customer-service/unit-price-notice.html>. Định kỳ định giá Đơn vị quỹ tối thiểu là 1 lần/tuần (trừ trường hợp lễ Tết hoặc do nguyên nhân bất khả kháng).
- Giá đơn vị quỹ có thể **tăng hoặc giảm** tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết Đơn vị. Kết quả hoạt động của Quỹ Liên kết Đơn vị là **KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO** và có thể cho kết quả âm.
- Giá trị của Quỹ Liên kết Đơn vị có thể thấp hơn số phí bảo hiểm đã đóng và phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ Liên kết Đơn vị.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

4. MUA BÁN ĐƠN VỊ QUỸ

Trong thời gian Hợp đồng Bảo hiểm có hiệu lực, số lượng Đơn vị quỹ sẽ tăng hoặc giảm dựa theo các nghiệp vụ mua hoặc bán các Đơn vị quỹ như sau:

- **Mua Đơn vị quỹ**

Các trường hợp liên quan đến việc mua Đơn vị quỹ:

- Phân bổ Phí BH cơ bản;
- Phân bổ Phí BH đóng thêm;
- Phân bổ Quyền lợi Duy trì Hợp đồng (nếu có);
- Phân bổ khoản tiền được nhận từ Quỹ khác chuyển đổi sang (chuyển đổi Quỹ).

- **Bán Đơn vị quỹ**

Các trường hợp liên quan đến việc bán Đơn vị quỹ:

- Khấu trừ Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng hàng tháng, các loại chi phí khác có liên quan đến Quỹ Liên kết Đơn vị và các Khoản nợ;
- Rút tiền từ GTTKHD;
- Chi trả Quyền lợi bảo hiểm rủi ro;
- Hợp đồng Bảo hiểm bị đơn phương chấm dứt thực hiện;
- Hợp đồng Bảo hiểm bị chấm dứt;
- Chuyển một khoản tiền hoặc một số lượng Đơn vị quỹ sang Quỹ Liên kết Đơn vị khác (chuyển đổi Quỹ).

5. BIỆN PHÁP BẢO VỆ VÀ GIA TĂNG QUYỀN LỢI CHO KHÁCH HÀNG

Chubb Life sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ và gia tăng quyền lợi của BMBH:

- Thay đổi tên của (các) Quỹ Liên kết Đơn vị;
- Đóng (các) Quỹ Liên kết Đơn vị để chuyển đổi các tài sản sang Quỹ Liên kết Đơn vị mới có cùng mục tiêu đầu tư;
- Chia tách và/hoặc sáp nhập các Quỹ Liên kết Đơn vị hiện có;
- Ngừng định giá Đơn vị quỹ và các giao dịch liên quan đến Hợp đồng Bảo hiểm trong trường hợp Sở giao dịch chứng khoán và/hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán mà (các) Quỹ Liên kết Đơn vị đang đầu tư vào bị tạm thời đình chỉ giao dịch;
- Các biện pháp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Khi thực hiện các biện pháp (a), (b), (c) và (e), Chubb Life sẽ thông báo cho BMBH bằng văn bản ít nhất 3 ngày trước khi áp dụng.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

6. CÁC QUYỀN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Chỉ định Tỷ lệ Đầu tư: Chỉ định Tỷ lệ Đầu tư vào từng Quỹ Liên kết Đơn vị phù hợp với mục tiêu đầu tư và khả năng chấp nhận rủi ro.
- Thay đổi Tỷ lệ Đầu tư: Yêu cầu thay đổi Tỷ lệ Đầu tư theo nhu cầu tại từng thời điểm.
- Chuyển đổi quỹ: Chuyển đổi tài sản linh hoạt giữa các Quỹ Liên kết Đơn vị.
- Đầu tư thêm: Phí bảo hiểm đóng thêm tối đa lên đến 05 lần Phí Bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên.
- Rút tiền từ Giá trị Tài khoản Hợp đồng: Yêu cầu rút tiền từ GTTKHD được thực hiện theo thứ tự từ GTTK Đóng thêm sau đó đến GTTK Cơ bản.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 33/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

VIII. GIẢI THÍCH CÁC LOẠI CHI PHÍ KHẤU TRỪ VÀ THUẬT NGỮ LIÊN QUAN

Phí ban đầu

Là khoản phí được khấu trừ từ Phí Bảo hiểm cơ bản và Phí Bảo hiểm đóng thêm trước khi phân bổ vào GTTKHĐ. Phí ban đầu được tính theo tỷ lệ % của Phí Bảo hiểm cơ bản và Phí Bảo hiểm đóng thêm như sau:

| Năm đóng phí | 1 | 2 | 3-5 | 6-10 | 11+ |
|------------------------|------|------|------|------|-----|
| % của Phí BH cơ bản | 50% | 30% | 20% | 1,5% | 0% |
| % của Phí BH đóng thêm | 1,5% | 1,5% | 1,5% | 1,5% | 0% |

Phí đem đi đầu tư

Là phần còn lại của Phí Bảo hiểm cơ bản và Phí Bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ đi Phí ban đầu và được phân bổ vào GTTKHĐ để đầu tư.

Khoản Khấu trừ hàng tháng

Là khoản tiền được khấu trừ hàng tháng từ GTTKHĐ (bao gồm Phí rủi ro và Phí Quản lý hợp đồng). Trong đó:

- **Phí rủi ro** là khoản phí được tính toán dựa trên cơ sở quyền lợi bảo hiểm và rủi ro của NDBH khi tham gia Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết đơn vị.
- **Phí Quản lý hợp đồng** là khoản phí để thực hiện các công việc cần thiết cho việc duy trì hiệu lực HĐBH và cung cấp thông tin liên quan đến HĐBH. Phí Quản lý hợp đồng là 46.000 đồng/tháng trong năm 2026 và được tự động điều chỉnh vào ngày 01/01 hàng năm với mức tăng là 2.000 đồng/tháng so với mức cố định của năm liền trước. Việc điều chỉnh tăng này sẽ chấm dứt khi Phí Quản lý hợp đồng đạt mức 70.000 đồng/tháng.
Phí Quản lý hợp đồng sẽ được giảm 50% từ Năm hợp đồng thứ 4 đến 20 nếu thỏa các điều kiện quy định tại Quy tắc, Điều khoản, Điều kiện.

Phí quản lý quỹ

Là khoản phí dùng để trang trải cho các hoạt động đầu tư, hoạt động định giá tài sản, hoạt động giám sát và quản lý quỹ. Khoản phí này được tính trên tổng tài sản của Quỹ và được khấu trừ trước khi xác định giá trị tài sản ròng của mỗi Quỹ tại Ngày định giá được quy định chi tiết như sau:

| Quỹ Liên kết Đơn vị | Quỹ Tăng trưởng | Quỹ Cân bằng | Quỹ Bền vững |
|---|-----------------|--------------|--------------|
| Phí quản lý quỹ tối đa hàng năm (% trên tổng tài sản của Quỹ) | 2,0% | 1,5% | 1,0% |

Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn

Là khoản phí được áp dụng trong các trường hợp Hợp đồng Bảo hiểm bị chấm dứt hiệu lực trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm của Phí BH cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên như sau:

| Năm hợp đồng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6+ |
|---------------------------------------|------|------|-----|-----|-----|----|
| % Phí BH cơ bản Năm hợp đồng đầu tiên | 100% | 100% | 50% | 30% | 20% | 0% |

Phí chuyển đổi quỹ

Trong mỗi Năm hợp đồng, Chubb Life sẽ miễn phí chuyển đổi quỹ cho 06 lần chuyển đổi đầu tiên. Từ lần chuyển đổi thứ 07 trở đi, Phí chuyển đổi quỹ là 50.000 đồng/lần chuyển đổi và sẽ được khấu trừ từ số tiền yêu cầu chuyển đổi.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO. KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ

IX. MINH HỌA VỀ PHÍ BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM BÁN KÈM

Đơn vị tính: đồng

| Năm HĐ | Phí bảo hiểm định kỳ quy năm* | Lưu ý |
|--------|-------------------------------|---|
| 1 | 52.789.200 | <ul style="list-style-type: none"> (*) Phí bảo hiểm định kỳ hàng năm là tổng phí bảo hiểm định kỳ hàng năm của các SPBH bán kèm. Phí bảo hiểm của các SPBH bán kèm thực tế có thể thay đổi sau khi Chubb Life thông báo áp dụng mức phí bảo hiểm mới được Bộ Tài chính chấp thuận. Phí bảo hiểm của các SPBH bán kèm trong bảng này không áp dụng với trường hợp tăng/giảm Mệnh giá Bảo hiểm. Đối với các SPBH bán kèm tái tục hàng năm (nếu có) trong bảng này, phí bảo hiểm chỉ thể hiện đến Năm HĐ thứ 20. |
| 2 | 53.084.000 | |
| 3 | 53.204.000 | |
| 4 | 53.361.600 | |
| 5 | 53.517.600 | |
| 6 | 53.927.000 | |
| 7 | 54.392.400 | |
| 8 | 54.611.000 | |
| 9 | 54.993.600 | |
| 10 | 55.418.000 | |
| 11 | 56.172.600 | |
| 12 | 56.814.800 | |
| 13 | 57.335.400 | |
| 14 | 57.824.400 | |
| 15 | 58.392.000 | |
| 16 | 61.550.400 | |
| 17 | 62.302.600 | |
| 18 | 62.966.600 | |
| 19 | 63.524.800 | |
| 20 | 64.146.400 | |

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 35/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

X. TÓM TẮT CÁC TRƯỜNG HỢP LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM**❖ Đối với Sản phẩm bảo hiểm Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát****1. Trường hợp Tử vong**

Chubb Life sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Người được Bảo hiểm tử vong do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây gây ra:

- Hành động tự tử trong vòng 24 tháng kể từ (i) ngày Bên mua Bảo hiểm nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), lấy ngày nào đến sau;
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Bị thi hành án tử hình;
- Hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Chi tiết các trường hợp loại trừ được quy định tại Điều 8.1 của Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

2. Trường hợp bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn

Chubb Life sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Người được Bảo hiểm bị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây gây ra:

- Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia các hoạt động hàng không, trừ khi với tư cách là hành khách hoặc thành viên của phi hành đoàn trên các chuyến bay thường lệ;
- Các trường hợp thuộc Bệnh có sẵn;
- Bệnh lý được chẩn đoán xác định, được hướng dẫn điều trị trong Thời gian chờ;
- Hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;

Chi tiết các trường hợp loại trừ được quy định tại Điều 8.2 của Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

❖ Đối với SPBH Sức khỏe – Tử vong hoặc Thương tật do Tai nạn mở rộng

Chubb Life sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Người được Bảo hiểm tử vong hoặc bị Tồn thương do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây gây ra:

- Tham gia đấu đá, đánh nhau;
- Ảnh hưởng của ma túy, các chất kích thích khác, tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích;
- Tham gia các hoạt động thể thao mạo hiểm;
- Hậu quả của việc điều khiển xe (i) vượt quá tốc độ quy định theo pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ từ 5 km/h trở lên hoặc (ii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y tế;
- Hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;
- Bệnh có sẵn;

Chi tiết các trường hợp loại trừ được quy định tại Điều 2 của Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

❖ **Đối với SPBH Sức khỏe – Hỗ trợ Nằm viện mở rộng**

Chubb Life sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Sự kiện Bảo hiểm xảy ra một trong các trường hợp sau hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây:

- Tham gia ẩu đả, đánh nhau;
- Hậu quả của các hành vi chạy xe quá tốc độ hoặc điều khiển/tham gia điều khiển phương tiện giao thông (i) vượt quá tốc độ quy định theo pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ từ 5 km/h trở lên hoặc (ii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y tế;
- Điều trị liên quan đến thai sản, mắt và/hoặc tai, hoặc điều trị nha khoa ngoại trừ do Tai nạn;
- Điều trị các bệnh/ rối loạn tâm thần hay rối loạn tâm lý hay các rối loạn về giấc ngủ;
- Bệnh hoặc tình trạng bất thường do bẩm sinh, di truyền, dị tật bẩm sinh;
- Bệnh có sẵn; hoặc bệnh trong Thời gian chờ;

Chi tiết các trường hợp loại trừ được quy định tại Điều 2 Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

❖ **Đối với SPBH Sức khỏe – Bệnh hiểm nghèo mở rộng**

Chubb Life sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Người được Bảo hiểm mắc phải Bệnh hiểm nghèo do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây gây ra:

- Các bệnh lý bẩm sinh;
- Bệnh có sẵn; hoặc Bệnh hiểm nghèo được chẩn đoán trong Thời gian chờ;
- Hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng;

Chi tiết các trường hợp loại trừ được quy định tại Điều 2 Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

❖ **Đối với SPBH Tử kỳ tái tục hàng năm mở rộng**

Chubb Life sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Người được Bảo hiểm tử vong do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây gây ra:

- Hành động tự tử trong vòng 24 tháng kể từ (i) ngày Bên mua Bảo hiểm nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có), lấy ngày nào đến sau;
- Nhiễm HIV, bị AIDS, hoặc những bệnh liên quan đến HIV/AIDS;
- Sử dụng trái phép ma túy hoặc các chất gây nghiện khác;
- Bị thi hành án tử hình;
- Hành vi cố ý của Người được Bảo hiểm, Bên mua Bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng.

Chi tiết các trường hợp loại trừ được quy định tại Điều 2 của Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

❖ Đối với SPBH Chăm sóc Sức khỏe Toàn Cầu - Chubb Care Plus

Chubb Life sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu Sự kiện Bảo hiểm xảy ra trong trường hợp sau hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào sau đây:

- Điều trị do Bệnh có sẵn;
 - Các bệnh lây truyền qua đường tình dục, nhiễm HIV, hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS);
 - Tiêm chủng, tiêm vắc xin, và điều trị dự phòng;
 - Khám sức khỏe tổng quát;
 - Điều trị vô sinh và/hoặc hiếm muộn;
 - Phẫu thuật thẩm mỹ, phẫu thuật chỉnh hình/tạo hình, phẫu thuật chuyển đổi giới tính, các hình thức điều trị thẩm mỹ và các biến chứng liên quan;
 - Bất kỳ bệnh hoặc rối loạn tâm thần, tâm lý, thần kinh, suy nhược cơ thể, suy nhược thần kinh, tình trạng căng thẳng, mất ngủ, điều trị liên quan đến chứng ngưng thở trong khi ngủ;
 - Tự tử hoặc mưu toan tự tử hoặc cố tình tự gây thương tích dù đang ở trong bất kỳ trạng thái tinh thần tỉnh táo hay bị mất trí;
 - Điều trị do hành vi phạm tội theo quy định Bộ Luật Hình sự;
 - Hậu quả của việc điều khiển xe (i) vượt quá tốc độ quy định theo pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ hoặc (ii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y tế;
 - Chữa bệnh bằng phương pháp nghi dưỡng, an dưỡng hoặc chăm sóc giám hộ, các chương trình chăm sóc sức khỏe thể chất nói chung.
- Chi tiết các trường hợp loại trừ được quy định tại Điều 5 của Điều khoản chi tiết của sản phẩm.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**

Bên mua Bảo hiểm: NGUYỄN THỊ A

Người được Bảo hiểm 1: NGUYỄN THỊ A

Tài liệu minh họa số:- **20260508113010 - 8385042**

ĐDKD tư vấn:

Điện thoại liên lạc:

Mã số ĐDKD:

Văn phòng ĐDKD:

Ngày hiệu lực: 08/05/2026

Chữ ký:

Trang 38/ 39

Ngày in: 08/05/2026 11:30:10

CHH0NBEB260002V

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM:

- ✓ Tôi/Chúng tôi đã được Đại diện Kinh doanh (ĐDKD) có tên dưới đây phân tích nhu cầu và khả năng tài chính và tư vấn đầy đủ về quyền lợi bảo hiểm, nguyên tắc giải quyết quyền lợi bảo hiểm và các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa này.
- ✓ Với SPBH Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát:
 - Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ tính chất SPBH Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát cũng như đã được giải thích về các khoản phí mà Chubb Life áp dụng cho Hợp đồng Bảo hiểm.
 - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng việc tham gia SPBH Liên kết đơn vị Chubb – Tự Do An Phát là một cam kết dài hạn và việc hủy bỏ Hợp đồng Bảo hiểm/chấm dứt Hợp đồng Bảo hiểm trước hạn là không có lợi vì các khoản phí Tôi/Chúng tôi phải trả rất cao trong thời gian đầu, có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
 - Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm sẽ bị đơn phương chấm dứt thực hiện khi Phí Bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ vào ngày đến hạn đóng phí trong 03 Năm hợp đồng đầu tiên, hoặc khi Giá trị Tài khoản Hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng “0” đồng.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đã hiểu và đồng ý với toàn bộ nội dung trong Tài liệu minh họa này kể cả các lưu ý, hiểu rõ về quyền lợi bảo hiểm, quyền lợi đầu tư, các quyền lợi khác, nguyên tắc giải quyết quyền lợi bảo hiểm và các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm trong Tài liệu minh họa này.
- ✓ Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp đồng Bảo hiểm được phát hành trên cơ sở Tôi/Chúng tôi đảm bảo tất cả các thông tin cung cấp tại Hồ sơ Yêu cầu Bảo hiểm là đầy đủ, trung thực và chính xác. Thông tin không chính xác hoặc không đầy đủ có thể dẫn đến việc quyền lợi bảo hiểm sẽ không được chi trả và Hợp đồng Bảo hiểm có thể bị hủy bỏ.
- ✓ Tôi/Chúng tôi đồng ý rằng các quyền lợi được minh họa tại Tài liệu minh họa này chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy thuộc vào các yếu tố đầu tư. Trong trường hợp BMBH không đóng phí như dự kiến trên Tài liệu minh họa thì GTTKHĐ sẽ có thể khác.

Bên mua Bảo hiểm

(Vui lòng ghi họ tên bằng chữ thường)

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN KINH DOANH:

Tôi cam đoan và xác nhận đã giải thích và tư vấn trung thực, chính xác và đầy đủ cho BMBH có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa này và các nội dung của Quy tắc, Điều kiện, Điều khoản Hợp đồng Bảo hiểm Chubb – Tự Do An Phát.

ĐDKD tư vấn

Mã số ĐDKD

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT ĐƠN VỊ CÓ THỂ CHO KẾT QUẢ LỖ HOẶC LÃI VÀ KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM BẢO.
KHÁCH HÀNG ĐƯỢC HƯỞNG TOÀN BỘ KẾT QUẢ ĐẦU TƯ VÀ CHỊU MỌI RỦI RO TRONG ĐẦU TƯ**